

Số: 2062/QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐT ngày 22/4/2024 của Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 26/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-ĐHTM ngày 19/01/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại; Quyết định số 2469/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2293/QĐ-ĐHTM ngày 16/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ vào kết luận của các Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng được thành lập theo các Quyết định số 1767, 1776, 1777, 1778, 1779 và 1780/QĐ-ĐHTM ngày 10/10/2024 và ngày 11/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ vào đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Thương mại;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này 06 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của Trường Đại học Thương mại.

(Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo được kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Các chương trình này được áp dụng cho các khoá đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng từ khoá 30B trở đi.

Điều 3. Viện Đào tạo Sau đại học, các Khoa, Viện, Bộ môn tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, SDH, HĐKH&ĐT.



PGS.TS. Nguyễn Hoàng

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2062/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Thạc sĩ Quản trị nhân lực (<i>Master of Human Resource Management</i>)
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Định hướng:	Ứng dụng
Ngành đào tạo:	Quản trị nhân lực
Mã ngành:	8340404
Chuyên ngành đào tạo:	Quản trị nhân lực
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản trị nhân lực định hướng ứng dụng đào tạo người học có kiến thức liên ngành sâu, rộng về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh; có tư duy phản biện và kiến thức chuyên môn sâu về quản trị nhân lực; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp và khả năng quản lý các hoạt động nghề nghiệp về nhân sự; có khả năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách khoa học; có khả năng tự chủ cao trong công việc, khả năng thực thi các sáng kiến và cải tiến các hoạt động chuyên môn về quản trị nhân lực trong tổ chức.

Mục tiêu cụ thể: Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản trị nhân lực định hướng ứng dụng đào tạo người học đáp ứng các mục tiêu cụ thể sau:

- Có kiến thức liên ngành sâu, rộng về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh; có tư duy phản biện và kiến thức chuyên môn sâu và cập nhật về quản trị nhân lực, quản lý lao động.

- Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thuần thục và khả năng quản lý các hoạt động nghề nghiệp về nhân sự.

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin, xử lý dữ liệu để đưa ra các giải pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn về quản trị nhân lực và quản lý lao động một cách khoa học; có khả năng truyền đạt, phổ biến tri thức và thảo luận các vấn đề chuyên môn dựa trên kết quả nghiên cứu.

- Có khả năng thích nghi, tự định hướng, hướng dẫn người khác thực hiện các nhiệm vụ và đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia về quản trị nhân lực, có khả năng thực hiện các sáng kiến cải tiến hoạt động quản trị nhân lực trong tổ chức.

2. Chuẩn đầu ra

PLO	Mã PLOs	Mô tả
Kiến thức	PLO1	Phân tích được các kiến thức liên ngành sâu, rộng và tiên tiến về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh vào việc tư duy, thực hành nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề trong quản trị nhân lực.
	PLO2	Thực hành được tư duy phản biện về quản trị nhân lực; phân tích được các kiến thức chuyên môn sâu về quản trị nhân lực và quản lý lao động; đánh giá và giải quyết được các vấn đề thực tế đặt ra trong hoạt động quản trị nhân lực của tổ chức.
Kỹ năng	PLO3	Thực hành được các kỹ năng nghề nhân sự và quản lý được các hoạt động nghề nghiệp về nhân sự.
	PLO4	Thực hành được kỹ năng phân tích, tổng hợp, xử lý dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề về quản trị nhân lực và quản lý lao động một cách khoa học.
	PLO5	Thực hành được kỹ năng truyền đạt, phổ biến tri thức và thảo luận các vấn đề chuyên môn dựa trên kết quả nghiên cứu; ứng dụng được công nghệ thông tin vào hoạt động nghề nghiệp và học thuật.
Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	PLO6	Có khả năng thích nghi, tự định hướng, hướng dẫn người khác thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia về quản trị nhân lực
	PLO7	Có khả năng đề xuất và thực hiện các sáng kiến, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về quản trị nhân lực
Ngoại ngữ	PLO8	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

3.1. Các vị trí việc làm phù hợp

- Chuyên viên, tư vấn viên, chuyên gia về quản trị nhân lực và quản lý lao động.
- Chuyên gia tư vấn độc lập về quản trị nhân lực, cung cấp dịch vụ chuyên môn về nhân sự cho các doanh nghiệp, tổ chức
- Giám đốc nhân sự, trưởng các bộ phận chuyên môn về nhân lực, quản lý lao động ở các cấp;
- Cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu ứng dụng về quản trị nhân lực, quản lý lao động.
- Khởi sự kinh doanh, làm chủ và quản lý các doanh nghiệp trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn và đào tạo về quản trị nhân lực.

3.2. Các tổ chức và doanh nghiệp phù hợp

- Doanh nghiệp các ngành, lĩnh vực kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, loại hình sở hữu nhà nước, tư nhân, tập thể, vốn đầu tư nước ngoài...;

- Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai về quản trị nhân lực, các tổ chức phi chính phủ.

- Cơ quan Chính phủ, Bộ, Ngành trung ương; các cơ quan quản lý địa phương, tổ chức lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể tại các bộ phận có chức năng, nhiệm vụ chuyên môn về quản lý lao động, quản trị nhân lực.

- Các trường đại học, học viện, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về vấn đề con người và lao động.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng học nâng cao ở trình độ tiến sĩ của các chương trình đào tạo trong và ngoài nước; tự học tập, nghiên cứu để bổ sung các kiến thức và kỹ năng mới, cập nhật nhằm đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác và lộ trình phát triển sự nghiệp ở tổ chức, doanh nghiệp; tự học tập suốt đời để cập nhật những tri thức mới và thích nghi với sự thay đổi trong công việc.

5. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo

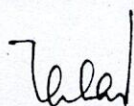
5.1. Trong nước

- 1) Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia”;
- 2) Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- 3) ([https://neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/HomePage/ThongBao/2019_9/Chuong%20trinh%20dao%20tao%20thac%20si%20K28.pdf](https://neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/HomePage/ThongBao/2019/2019_9/Chuong%20trinh%20dao%20tao%20thac%20si%20K28.pdf))
- 4) Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực trình độ thạc sĩ của trường Đại học Lao động Xã hội (<http://ulsa.edu.vn/uploads/file/caohoc/cao%20h%E1%BB%8Dc%20n%C4%83m%202014/quyet%20dinh%20khoa%201%20cao%20h%E1%BB%8Dc/1446.PDF>)

5.2. Ngoài nước

- 1) Program of Masters of Human Resource Management in Henley Business - Greenlands Campus (UK).
- 2) (https://www.westminster.ac.uk/sites/default/public-files/programme-specifications/Human-Resource-Management-MA-2018-19_1.pdf)
- 3) Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị nhân lực, Trường Đại học Nam Úc - Master of Human Resource Management in Univesity of South Australia
- 4) <https://study.unisa.edu.au/degrees/master-of-management-human-resource-management>

TRƯỞNG KHOA QUẢN TRỊ NHÂN LỰC



PGS.TS. Trần Văn Trang

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Hoàng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2062/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Thạc sĩ Quản trị nhân lực <i>Master of Human Resource Management</i>
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Định hướng:	Ứng dụng
Ngành đào tạo:	Quản trị nhân lực
Mã ngành:	8340404
Chuyên ngành đào tạo:	Quản trị nhân lực
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Quản trị nhân lực trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng đã được rà soát gần nhất theo Quyết định số 115/QĐ-ĐHTM ngày 21/01/2022 của Trường Đại học Thương mại. Trong lần rà soát giữa kỳ này, CTĐT có điều chỉnh một số điểm sau:

- Cập nhật, điều chỉnh cách diễn đạt các mục tiêu chung, bổ sung các mục tiêu cụ thể.
- Rút gọn các chuẩn đầu ra, từ 10 PLOs xuống còn 8 PLO, cập nhật và sửa đổi các PLO theo hướng dễ đo lường hơn;
- Bổ sung ma trận đo lường CDR
- Cập nhật, sửa đổi CDR và đề cương của các học phần trong CTĐT

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản trị nhân lực định hướng ứng dụng đào tạo người học có kiến thức liên ngành sâu, rộng về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh; có tư duy phân biện và kiến thức chuyên môn sâu về quản trị nhân lực; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp và khả năng quản lý các hoạt động nghề nghiệp về nhân sự; có khả năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách khoa học; có khả năng tự chủ cao trong công việc, khả năng thực thi các sáng kiến và cải tiến các hoạt động chuyên môn về quản trị nhân lực trong tổ chức.

Mục tiêu cụ thể: Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản trị nhân lực định hướng ứng dụng đào tạo người học đáp ứng các mục tiêu cụ thể sau:

- Có kiến thức liên ngành sâu, rộng về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh; có tư duy phân biện và kiến thức chuyên môn sâu và cập nhật về quản trị nhân lực, quản lý lao động.
- Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thuần thục và khả năng quản lý các hoạt động nghề nghiệp về nhân sự.

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin, xử lý dữ liệu để đưa ra các giải pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn về quản trị nhân lực và quản lý lao động một cách khoa học; có khả năng truyền đạt, phổ biến tri thức và thảo luận các vấn đề chuyên môn dựa trên kết quả nghiên cứu.

- Có khả năng thích nghi, tự định hướng, hướng dẫn người khác thực hiện các nhiệm vụ và đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia về quản trị nhân lực, có khả năng thực hiện các sáng kiến cải tiến hoạt động quản trị nhân lực trong tổ chức.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học viên sau khi hoàn thành chương trình học tập, đạt được những chuẩn đầu sau đây:

PLO	Mã PLOs	Mô tả
Kiến thức	PLO1	Phân tích được các kiến thức liên ngành sâu, rộng và tiên tiến về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh vào việc tư duy, thực hành nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề trong quản trị nhân lực.
	PLO2	Thực hành được tư duy phản biện về quản trị nhân lực; phân tích được các kiến thức chuyên môn sâu về quản trị nhân lực và quản lý lao động; đánh giá và giải quyết được các vấn đề thực tế đặt ra trong hoạt động quản trị nhân lực của tổ chức.
Kỹ năng	PLO3	Thực hành được các kỹ năng nghề nhân sự và quản lý được các hoạt động nghề nghiệp về nhân sự.
	PLO4	Thực hành được kỹ năng phân tích, tổng hợp, xử lý dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề về quản trị nhân lực và quản lý lao động một cách khoa học.
	PLO5	Thực hành được kỹ năng truyền đạt, phổ biến tri thức và thảo luận các vấn đề chuyên môn dựa trên kết quả nghiên cứu; ứng dụng được công nghệ thông tin vào hoạt động nghề nghiệp và học thuật.
Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	PLO6	Có khả năng thích nghi, tự định hướng, hướng dẫn người khác thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia về quản trị nhân lực
	PLO7	Có khả năng đề xuất và thực hiện các sáng kiến, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về quản trị nhân lực
Ngoại ngữ	PLO8	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

4. Đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp đại học trong và ngoài nước
- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

5. Tiêu chí tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp đại học trong và ngoài nước ngành phù hợp với ngành Quản trị nhân lực. Danh mục ngành phù hợp được quy định ở Phụ lục 02. Quy định cụ thể đối với văn bằng như sau:

+ Đối với các thí sinh tốt nghiệp đại học ngành/CTĐT trong danh mục các ngành nhóm 1 (ngành đúng, ngành gần hoặc các ngành/CTĐT ở trình độ đại học của Trường ĐHTM cấp bằng có độ tương đồng $\geq 50\%$ so với CTĐT của ngành đăng ký dự tuyển) thì được dự tuyển ngay và không phải học bổ sung kiến thức.

+ Đối với các thí sinh tốt nghiệp đại học ngành/CTĐT trong danh mục các ngành thuộc nhóm 2 (phải học bổ sung) chỉ được dự tuyển nếu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự tuyển và hoàn thành việc học bổ sung kiến thức 5 học phần (03 học phần cơ sở ngành và 02 học phần ngành) trong chương trình đào tạo bậc đại học của ngành đăng ký dự tuyển tương ứng.

- Nội dung cụ thể về bổ sung kiến thức (danh mục ngành phù hợp; tên môn, hình thức học, điều kiện bảo lưu môn học,...) được Trường quy định cụ thể trước khi tuyển sinh.

6. Phương thức tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường.

7. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Được công nhận tốt nghiệp khi hoàn thành đầy đủ các học phần và bảo vệ thành công đề án tốt nghiệp và có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khái quát chương trình

Tổng số tín chỉ tích lũy: 60 tín chỉ

Kiến thức chung: 11 tín chỉ

Kiến thức ngành: 14 tín chỉ (BB: 06TC; TC: 06TC; CD thực tế 1: 2TC)

Kiến thức chuyên ngành: 20 tín chỉ (BB: 06TC; TC: 12TC; CD thực tế 2: 2TC)

Thực tập: 06 tín chỉ

Đề án tốt nghiệp: 09 tín chỉ

8.2. Khung chương trình đào tạo

Bảng 1. Khung chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	Mã HP	SỐ TC	CẤU TRÚC
1	KIẾN THỨC CHUNG		11	
1	Triết học	THNC0118	4	42,36
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	NCKH0218	2	20,20
3	Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng internet	TKTT0318	2	0,60
4	Tiếng Anh tăng cường	TATC0418	3	30,30
2	KIẾN THỨC NGÀNH		14	
2.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>		6	

1	Quản lý nhà nước về lao động	QLLD0318	2	20,20
2	Tiêu chuẩn lao động quốc tế	TCLD0518	2	20,20
3	Kinh tế nguồn nhân lực	KTNL1118	2	20,20
2.2	<i>Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong 6 học phần)</i>		6	
1	Pháp luật lao động	PLLD0728	2	20,20
2	Lãnh đạo và quản lý	LĐQL0918	2	20,20
3	Dân số và phát triển	DSPT0628	2	20,20
4	Quản trị vận hành	QTVH1528	2	20,20
5	Thương mại và đầu tư quốc tế	TMQT1928	2	20,20
6	Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong tổ chức	SHTT1728	2	20,20
2.3	<i>Chuyên đề thực tế 1: Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động ở Việt Nam</i>	CDNL1318	2	0,0,30
3	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		20	
3.1	<i>Học phần bắt buộc (3 học phần)</i>		6	
1	Quản trị nhân lực	QUNL1028	2	20,20
2	Quan hệ lao động	QHLĐ1218	2	20,20
3	Quản trị thành tích	QTTT1518	2	20,20
3.2	<i>Học phần tự chọn (Chọn 6 trong 12 học phần)</i>		12	
1	Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội	TNXH2528	2	20,20
2	Quản trị công ty	QTCT1518	2	20,20
3	Quản trị sự thay đổi	QSTĐ0728	2	20,20
4	Ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp	UDĐT1528	2	20,20
5	Kiểm soát nội bộ	KSNB1628	2	20,20
6	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	DMST1628	2	20,20
7	Công nghệ và đổi mới tài chính	CNTC1728	2	20,20
8	Thông kê ứng dụng trong kinh tế	TKUD0828	2	20,20
9	Truyền thông và PR của doanh nghiệp	TTPR2528	2	20,20
10	Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp	QCDN1928	2	20,20
11	Marketing thương mại trong môi trường số	MATM1318	2	20,20
12	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	PTĐL1628	2	20,20
3.3	<i>Chuyên đề thực tế 2: Thực tiễn vận hành quản trị nhân lực và quan hệ lao động tại các doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số</i>	CDNL2918	2	0,0,30

4	Thực tập		6	0,180
5	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP		9	0,270
	Tổng số tín chỉ		60	

8.3. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo

Xem phụ lục kèm theo

9. Kế hoạch đào tạo

Bảng 2. Kế hoạch đào tạo

STT	Học phần	Kỳ học (dự kiến)	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết
	1. KIẾN THỨC CHUNG		11	
1	Triết học	1	4	
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	2	
3	Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng internet	1	2	
4	Tiếng Anh	3	3	
	2. KIẾN THỨC NGÀNH		14	
	2.1. Các học phần bắt buộc		6	
5	Quản lý nhà nước về lao động	1	2	
6	Tiêu chuẩn lao động quốc tế	1	2	
7	Kinh tế nguồn nhân lực	1	2	
	2.2. Các học phần tự chọn (chọn 3 trong số 6 học phần sau)		6	
8	Pháp luật lao động	1	2	
9	Lãnh đạo và quản lý	1	2	
10	Dân số và phát triển	1	2	
11	Quản trị vận hành	1	2	
12	Thương mại và đầu tư quốc tế	1	2	
13	Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong tổ chức	1	2	
14	2.3. Chuyên đề thực tế 1 (kiến thức ngành)	1	2	
	3. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		20	
	3.1. Các học phần bắt buộc		6	
15	Quản trị nhân lực	2	2	
16	Quan hệ lao động	2	2	
17	Quản trị thành tích	2	2	
	3.2. Các học phần tự chọn (chọn 6 trong số 12 học phần)		12	

STT	Học phần	Kỳ học (dự kiến)	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết
18	Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội	2	2	
19	Quản trị công ty	2	2	
20	Quản trị sự thay đổi	2	2	
21	Ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp	2	2	
22	Kiểm soát nội bộ	2	2	
23	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	2	
24	Công nghệ và đổi mới tài chính	2	2	
25	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	2	2	
26	Truyền thông và PR của doanh nghiệp	2	2	
27	Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp	2	2	
28	Marketing thương mại trong môi trường số	3	2	
29	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	3	2	
30	3.3. Chuyên đề thực tế 2 (Kiến thức chuyên ngành)	3	2	
31	4. THỰC TẬP	2	6	
32	5. ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	4	9	

Lưu ý: Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí *lưu*

TRƯỜNG KHOA QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

Trần Văn Trang

PGS.TS. Trần Văn Trang

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng

PGS.TS. Nguyễn Hoàng

PHỤ LỤC 01
MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Học phần	Mô tả học phần
1	Triết học	<p>Với cách tiếp cận hệ thống, học phần Triết học giúp học viên nắm được những kiến thức triết học cơ bản trong toàn bộ tiến trình lịch sử triết học; củng cố tri thức triết học triết học Mác - Lênin phục vụ cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn kinh tế; nâng cao năng lực vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và việc giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống. Học phần Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (<i>chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận</i>); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (<i>chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người</i>).</p>
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	<p>Học phần cung cấp cho học viên cao học những kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó học viên có thể phát triển kỹ năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết luận văn thạc sĩ trên cả hai góc độ: Phương pháp nghiên cứu khoa học và phương pháp xử lý dữ liệu phục vụ cho việc nghiên cứu nói chung và xử lý dữ liệu phục vụ cho việc thực hiện luận văn thạc sĩ nói riêng. Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu, cách thức thiết kế và tổng quan nghiên cứu, hiểu được các vấn đề liên quan tới đạo đức trong nghiên cứu, nắm được cách thức chọn mẫu, thu thập dữ liệu thứ cấp và sơ cấp trong nghiên cứu khoa học, cách thức phân tích dữ liệu định tính và định lượng, nắm được cấu trúc, hình thức và văn phong sử dụng trong báo cáo khoa học, cũng như cách thức thuyết trình kết quả báo cáo nghiên cứu khoa học và một số quy định về trình bày báo cáo khoa học.</p>

3	Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng Internet	Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng Internet nhằm phát triển kỹ năng từ cơ bản đến chuyên sâu về các công cụ và kỹ thuật tìm kiếm thông tin trên mạng Internet phục vụ các hoạt động khác nhau của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân như : khai thác thông tin thị trường, tìm hiểu nhu cầu của một khu vực thị trường cụ thể, tìm kiếm các đối tác, nhà cung cấp, bạn hàng kinh doanh, tìm kiếm các thông tin phục vụ cho các hoạt động học tập nghiên cứu... một cách chính xác, hiệu quả với sự tiết kiệm tối đa chi phí. Học phần là cơ sở nền tảng giúp học viên cao học tiếp cận và thuận lợi hơn trong nghiên cứu chuyên sâu theo định hướng ứng dụng của các ngành đào tạo thạc sỹ như: Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kinh doanh thương mại, Tài chính ngân hàng, Quản lý Kinh tế, Quản trị nhân lực, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
4	Tiếng Anh	Học phần Tiếng Anh được thiết kế cho đối tượng người học đã đạt trình độ bậc 3 theo Khung năng lực Tiếng Anh 6 bậc của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần củng cố các hiện tượng ngữ pháp như thời của động từ, câu điều kiện, động từ tình thái, câu bị động, so sánh, mệnh đề quan hệ...; mở rộng vốn từ vựng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như phong cách sống, nghệ thuật, khoa học, kiến thức...; phát triển các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết trong các ngữ cảnh khác nhau như trao đổi về dự án, thảo luận về các thách thức trong cuộc sống, mô tả tính năng của mạng xã hội... bằng tiếng Anh; cải thiện kỹ năng thuyết trình, làm việc theo nhóm và giải quyết vấn đề.
5	Quản lý nhà nước về lao động	Quản lý nhà nước về lao động là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Quản trị nhân lực. Học phần trang bị những nguyên lý cơ bản về quản lý nhà nước về lao động bao gồm các nội dung: Hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách về lao động; Tổ chức quản lý nhà nước về lao động; Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động. Sau khi hoàn thành học phần, người học biết, nắm bắt, vận dụng sáng tạo những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động quản lý nhà nước về lao động, những nội dung, công cụ quản lý nhà nước về lao động theo quy định của pháp luật. Trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về xây dựng, thực thi, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, chính sách về lao động ở tầm vĩ mô (quốc gia, ngành, địa phương) theo quy định của luật lao động về các nội dung của quản lý nhà nước về lao động.

6	Tiêu chuẩn lao động quốc tế	<p>Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản và cập nhật về các tiêu chuẩn lao động quốc tế, đồng thời giúp người học có ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy, quy chế và có ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân ... Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra theo quy định. Tiêu chuẩn lao động quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về tổ chức lao động quốc tế; Tiêu chuẩn lao động quốc tế (sự cần thiết, quy trình xây dựng, quy trình phê chuẩn; cơ chế giám sát, khuyến trợ) và Tuyên bố 1998 cùng các tiêu chuẩn lao động cơ bản; Tiêu chuẩn lao động trong các Hiệp định thương mại; Tiêu chuẩn lao động trong các định chế quốc tế khác.</p>
7	Kinh tế nguồn nhân lực	<p>Học phần có vị trí là học phần thuộc bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ chuyên ngành Quản trị nhân lực, quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế và kinh doanh thương mại. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về kinh tế nguồn nhân lực. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chuyên sâu về kinh tế nguồn nhân lực; Cầu lao động; Cung lao động, cân bằng thị trường lao động; Xây dựng và phát triển thị trường lao động; Đào tạo nhân lực và đầu tư cho đào tạo và phát triển vốn nhân lực; Năng suất lao động và tiền lương đối với người lao động. Học phần có mối quan hệ với học phần kinh tế học vĩ mô trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh và kinh doanh thương mại.</p>
8	Pháp luật lao động	<p>Là học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực của Trường đại học Thương mại. Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu và nâng cao về pháp luật lao động, với tư cách là một công cụ quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động trong bối cảnh kinh tế xã hội mới hiện nay. Học phần đi sâu nghiên cứu các quy định của pháp luật điều chỉnh các vấn đề pháp lý về quan hệ lao ở Việt Nam cũng như các quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài, tiếp cận với hệ thống pháp luật lao động quốc tế và khu vực. Học phần được nghiên cứu trong mối quan hệ với các học phần khác, hình thành khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị nhân lực.</p>
9	Lãnh đạo và quản lý	<p>Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về lãnh đạo và quản lý với các nội dung như: tổng quan về lãnh đạo và quản lý; vị trí, vai trò và năng lực của nhà lãnh đạo, nhà quản lý trong tổ chức; các nội dung lãnh đạo và quản lý ở cả góc độ lý luận và thực tế.</p>

10	Dân số và phát triển	<p>Học phần xem xét mối quan hệ qua lại giữa dân số và phát triển thông qua một số lý thuyết và mô hình được coi là nguyên nhân cũng như hệ quả của việc tăng dân số đối với quá trình phát triển. Học phần cũng phân tích tác động qua lại giữa dân số và kinh tế, giữa dân số với các vấn đề xã hội, giữa dân số với tài nguyên và môi trường. Sau đó sẽ phân tích ảnh hưởng của tăng trưởng dân số đến phát triển bền vững và lựa chọn chính sách điều chỉnh hướng tới phát triển bền vững ở các quốc gia đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng.</p>
11	Quản trị vận hành	<p>Quản trị vận hành (operations management) đề cập tới việc thiết kế, thực hiện và cải tiến quá trình vận hành của các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ. Học phần đề cập tới các nội dung nâng cao của quản trị vận hành bao gồm: Tổng quan về quản trị vận hành; Thiết kế sản phẩm, dịch vụ và lựa chọn quy trình vận hành; Bố trí mặt bằng sản xuất và kinh doanh dịch vụ; Lý thuyết xếp hàng trong vận hành quy trình dịch vụ và Ứng dụng 6 sigma và công cụ solver trong quản trị vận hành.</p>
12	Thương mại và đầu tư quốc tế	<p>Học phần này bao gồm những kiến thức khái quát về hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế: vai trò, các hình thức của thương mại và đầu tư quốc tế, các nguyên tắc trong hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế, xu hướng phát triển của hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức lý luận và thông tin thực tế về những vấn đề luôn có tính thời sự, cần thiết đối với các nhà quản lý và các doanh nghiệp, bao gồm các rào cản trong thương mại quốc tế, các biện pháp phòng vệ thương mại, vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế, vấn đề tạo thuận lợi thương mại, hiệu quả kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu, thực trạng của các hoạt động đầu tư FDI, ODA trên thế giới và ở Việt Nam.</p>
13	Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong tổ chức	<p>Học phần nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức mở rộng và nâng cao về lý luận và thực tiễn trong quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của tổ chức. Các nội dung chủ yếu của học phần gồm: Xác lập mô hình và hoạch định chiến lược sở hữu trí tuệ, phát triển nguồn tài sản trí tuệ; kiểm toán, và bảo vệ thực thi quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức khai thác các tài sản trí tuệ của tổ chức.</p>

14	Quản trị nhân lực	Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng nâng cao về quản trị nhân lực trong các tổ chức/ doanh nghiệp, trau dồi khả năng tư duy, tầm nhìn chiến lược, tính chủ động, khả năng phát huy năng lực cá nhân và quản lý các hoạt động thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ và thăng tiến trong công việc. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực bậc thạc sĩ. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: chiến lược nguồn nhân lực, thiết kế và phân tích công việc, sử dụng và phát triển nhân lực, đãi ngộ nhân lực và một số xu hướng quản trị nhân lực hiện đại.
15	Quan hệ lao động	Trang bị cho người học những kiến thức thực tế và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến về quan hệ lao động và kỹ năng đối thoại xã hội, thương lượng, giải quyết tranh chấp lao động, đình công. Học phần còn tạo cơ sở giúp người học rèn luyện kỹ năng xây dựng và duy trì được quan hệ lao động lành mạnh trên cơ sở chủ động đối thoại; giải quyết tranh chấp lao động trên nguyên tắc tôn trọng, hợp tác, thương lượng, tự định đoạt. Học phần Quan hệ lao động thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về quan hệ lao động, quan hệ lao động lành mạnh; Quản lý nhà nước về quan hệ lao động; Kiến thức và kỹ thuật nhận diện, thực hành và giải quyết: đối thoại xã hội trong quan hệ lao động, thương lượng trong quan hệ lao động, tranh chấp lao động và đình công.
16	Quản trị thành tích	Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị thành tích của các bộ phận và cá nhân trong các tổ chức, doanh nghiệp. Thông qua học phần, người học sẽ được trang bị các kiến thức chuyên sâu về hoạt động quản trị thành tích trong các tổ chức, doanh nghiệp; hình thành và rèn luyện các kỹ năng liên quan đến quản trị thành tích cũng như trau dồi khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng phân tích, phản biện, tư duy sáng tạo. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực bậc thạc sĩ. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: khái quát về quản trị thành tích, quy trình xây dựng hệ thống quản trị thành tích; các công cụ cơ bản trong triển khai quản trị thành tích như: BSC và KPI, OKR, ứng dụng khung năng lực trong quản trị thành tích; truyền thông, đào tạo và mô hình DEFT trong quản trị thành tích.

17	Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội	Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị thực hành trách nhiệm xã hội trong các tổ chức, doanh nghiệp. Thông qua học phần, người học sẽ được trang bị các kiến thức chuyên sâu về hoạt động quản trị thực hành trách nhiệm xã hội trong các tổ chức, doanh nghiệp; hình thành và rèn luyện các kỹ năng liên quan đến quản trị thực hành trách nhiệm xã hội cũng như trau dồi khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng phân tích, phản biện, tư duy sáng tạo. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực bậc thạc sỹ. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: tổng quan về thực hiện trách nhiệm xã hội, hoạch định thực hành trách nhiệm xã hội, tổ chức triển khai thực hành trách nhiệm xã hội, đánh giá, cải tiến thực hành trách nhiệm xã hội, truyền thông và công bố thực hiện trong quản trị thực hành trách nhiệm xã hội.
18	Quản trị công ty	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nâng cao và cập nhật về quản trị công ty và quy trình hoạch định hoạch định hệ thống quản trị công ty của doanh nghiệp trên cơ sở nhận diện các yếu tố ảnh hưởng, luận giải, đánh giá, so sánh và vận dụng sáng tạo đa dạng các lý thuyết cũng như các mô hình, nguyên tắc, thông lệ trong quản trị công ty khác nhau trên thế giới. Người học cũng được trang bị các kiến thức và kỹ năng để kiểm soát điều hành và đánh giá thực lực quản trị cũng như uy tín và như triển vọng của các công ty. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng sáng tạo vào việc thiết lập hệ thống quản trị công ty trong thực tiễn quản trị doanh nghiệp phát huy tối đa mạng giá trị, tạo ra sự minh bạch tin cậy đồng thời quy tụ sức mạnh của các bên bao gồm cả Hội đồng quản trị, ban giám đốc, cổ đông, nhà đầu tư, người lao động và các bên có liên quan khác.
19	Quản trị sự thay đổi	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về quản trị sự thay đổi với các nội dung như: các hình thức và mức độ của sự thay đổi, bản chất và sự cần thiết của quản trị sự thay đổi, nội dung quản trị sự thay đổi, vượt rào cản trong quản trị sự thay đổi.
20	Ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp	Thông qua nội dung của học phần, học viên cao học có được một kiến thức tổng hợp về ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp thuộc các ngành và lĩnh vực kinh doanh khác nhau, góp phần tạo nên một tư duy và một tầm nhìn rộng mở hơn đối với quản trị các hoạt động kinh doanh thương mại trong bối cảnh các doanh nghiệp trong nước và trên thế giới triển khai ứng dụng rộng rãi các thành tựu của công nghệ thông tin - truyền thông và tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế.

21	Kiểm soát nội bộ	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hiện đại về kiểm soát nội bộ trên các nội dung chủ yếu: Tổng quan về KSNB, vai trò của KSNB trong bối cảnh gia tăng rủi ro từ môi trường kinh doanh và rủi ro trong nội bộ tổ chức; mối quan hệ giữa KSNB với quản trị công ty; các khuôn mẫu KSNB phổ biến trên thế giới: theo khuôn mẫu COSO, COBIT (USA), COCO (Canada)... và vận dụng nguyên lý chung để thiết kế quy trình, thủ tục KSNB đối với một số chu trình chủ yếu trong đơn vị.
22	Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp	Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng về đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp cũng như các kiến thức và kỹ năng để khởi nghiệp sáng tạo trong bối cảnh của Việt Nam. Học phần bao gồm 5 nội dung chính như sau: Tổng quan về đổi mới, sáng tạo; Tổng quan về khởi nghiệp sáng tạo; Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo; Mô hình khởi nghiệp sáng tạo; và Các nguồn tài chính cho khởi nghiệp sáng tạo.
23	Công nghệ và đổi mới tài chính	Học phần Fintech và đổi mới tài chính nhằm trang bị cho học viên cao học những kiến thức về FINTECH, kỹ năng ra quyết định, phân tích và đánh giá các lựa chọn đổi mới tài chính liên quan tới FINTECH, giúp người học có khả năng giải quyết các tình huống ứng dụng công nghệ trong tài chính. Nội dung của học phần Công nghệ và đổi mới tài chính bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về FINTECH; Các giải pháp ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp FINTECH; Tài trợ và đầu tư với FINTECH; Đổi mới tài chính với FINTECH.
24	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	Học phần nhằm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản và hiện đại về ứng dụng thống kê trong kinh tế và kinh doanh. Sau khi hoàn thành chương trình, người học có thể thực hiện thành thạo việc thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin thống kê phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động tác nghiệp thường xuyên.
25	Truyền thông và PR của doanh nghiệp	Là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ của các chuyên ngành Kinh doanh thương mại và Marketing thương mại. Học phần cung cấp các kiến thức và các kỹ năng trong xây dựng, triển khai thực hiện các kế hoạch và đánh giá hoạt động truyền thông và PR của doanh nghiệp hỗ trợ đắc lực và đóng góp tốt nhất vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh hiện đại.

26	Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp	<p>Học phần trang bị cho người học những thay đổi về nhận thức và các cách tiếp cận mới về chất lượng và quản trị chất lượng của doanh nghiệp trong kinh doanh hiện đại; Giúp người học có khả năng ứng dụng các phương pháp và công cụ phù hợp để quản trị chất lượng trong doanh nghiệp theo từng khía cạnh liên quan đến quản trị chất lượng sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp; Quản trị chất lượng các quá trình và hoạt động tác nghiệp; Quản trị chất lượng các yếu tố tổ chức như thông tin, nhân lực, mối quan hệ nhà cung cấp và khách hàng, môi trường nội bộ và văn hóa doanh nghiệp; Quản trị chất lượng chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. Từ đó, giúp người học có thái độ và nhận thức đúng đắn về chất lượng, có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để quản lý và đảm bảo chất lượng các hoạt động tác nghiệp của cá nhân cũng như các yếu tố tổ chức của doanh nghiệp, phù hợp với bối cảnh kinh doanh hiện đại, hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững và khả năng thích ứng cao với những thay đổi trong xu hướng môi trường kinh doanh mới.</p>
27	Marketing thương mại trong môi trường số	<p>Là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần chuyên ngành của chương trình cao học chuyên ngành marketing thương mại. Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng phân tích marketing, hoạch định chiến lược marketing và triển khai các quyết định và ứng xử tác nghiệp marketing mix theo cách tiếp cận chuỗi giá trị trong môi trường số ở các doanh nghiệp kinh doanh thương mại.</p>
28	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	<p>Môn học cung cấp cơ sở kiến thức của lý thuyết ra quyết định và cung cấp các ý tưởng về định lượng phương pháp trong quản lý. Học phần còn cung cấp cho học viên những kỹ năng giải quyết một số bài toán thực tế bằng các phương pháp định lượng như quy hoạch, quy hoạch, quy hoạch đa mục tiêu và bài toán sơ đồ mạng lưới và sử dụng chúng để đưa ra các quyết định trong quản lý.</p>
29	Chuyên đề thực tế 1 - Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động ở Việt Nam	<p>Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực bậc thạc sĩ. Học phần bao gồm báo cáo chuyên đề và viết thu hoạch về các nội dung cơ bản như: Hoàn thiện thể chế về lao động của theo tiêu chuẩn khu vực và quốc tế; Hội nhập quốc tế về lao động; Hội nhập quốc tế về việc làm; Hội nhập quốc tế về giáo dục đào tạo; Hội nhập quốc tế về an sinh xã hội; Huy động tối đa nguồn lực trong và ngoài nước để xây dựng và triển khai có hiệu quả các chương trình phát triển về lao động ở Việt Nam</p>

30	Chuyên đề thực tế 2 - Thực tiễn vận hành quản trị nhân lực và quan hệ lao động tại các doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực bậc thạc sĩ. Học phần bao gồm báo cáo chuyên đề và viết thu hoạch về các nội dung cơ bản như: Nội dung quản trị nhân lực/quan hệ lao động trong doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số; yếu tố ảnh hưởng đến quản trị nhân lực/quan hệ lao động trong doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số.
31	Thực tập	Nội dung của học phần “Thực tập” bao gồm việc thực hành một nhiệm vụ chuyên môn của Quản trị nhân lực tại đơn vị thực tập; khảo sát thực tế về hoạt động kinh doanh, mô tả và đánh giá về hoạt động Quản trị nhân lực của đơn vị thực tập; xác định vấn đề cần hoàn thiện trong hoạt động Quản trị nhân lực của đơn vị thực tập; lựa chọn chủ đề và xây dựng kế hoạch thực hiện đề án tốt nghiệp.
32	Đề án tốt nghiệp	Nội dung của học phần “Đề án tốt nghiệp” bao gồm đánh giá tổng quát hoạt động của đơn vị thực tế, phân tích và đánh giá chuyên sâu tình hình hoạt động của đơn vị thực tế gắn với chủ đề của đề án, thực hiện các hoạt động chuyên môn về Quản trị nhân lực nhằm phân tích, luận giải các vấn đề thực tế, tình huống tại đơn vị thực tế gắn với chủ đề của đề án, từ đó rút ra các kết luận, đề xuất các giải pháp và khuyến nghị các điều kiện thực hiện giải pháp nhằm giải quyết vấn đề đặt ra tại đơn vị thực tế gắn với chủ đề của đề án.

PHỤ LỤC 02

**DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC ĐƯỢC COI LÀ PHÙ HỢP VỚI NGÀNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

<p>Nhóm 1: Các ngành không cần học bổ sung (gồm ngành đúng, ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển)</p>	<p>- Ngành/CTĐT đúng: Quản trị nhân lực (7340404)</p> <p>- Ngành gần: Các ngành/CTĐT thuộc nhóm ngành Quản trị- Quản lý (73404) bao gồm: Khoa học quản lý (7340401), Quản lý công (7340403), Hệ thống thông tin quản lý (7340404), Quản trị văn phòng (7340406), Quan hệ lao động (7340408), Quản lý dự án (7340409); Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực/Kinh tế lao động (7310101);</p> <p>- Các ngành/chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại 5 năm gần đây có trên 50% tín chỉ tương đồng: Quản trị kinh doanh, Tiếng Pháp thương mại, Tiếng Trung thương mại, Quản trị khách sạn, Quản trị du lịch và lữ hành, Marketing thương mại, Quản trị thương hiệu, Logistics và quản trị chuỗi cung ứng, Kinh doanh quốc tế, Kinh tế, Tài chính ngân hàng thương mại, Thương mại điện tử</p>
<p>Nhóm 2: Các ngành phải học bổ sung đảm bảo nền tảng kiến thức đầu vào cần thiết cho ngành đăng ký dự tuyển</p>	<p>Các ngành/CTĐT bao gồm: Kinh doanh (73401), Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (73402), Kế toán - Kiểm toán (73403), các nhóm ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và quản lý khác (73490), Kinh tế học (73101), Quản lý công nghiệp (75106), Quản lý xây dựng (75803), Quản lý y tế (77208), Quản lý tài nguyên môi trường (78501), Quản lý giáo dục (7140114), Quản lý văn hóa (7229042), Quản lý nhà nước (7310205), Quản lý thông tin (7320205), Kinh doanh xuất bản phẩm (7320402), Quản lý đô thị và công trình (7580106), Kinh doanh nông nghiệp (7620114), Kinh tế nông nghiệp (7620115), Quản lý tài nguyên rừng (7620211), Quản lý thủy sản (7620305), Quản trị dịch vụ du lịch và lĩnh vực và lữ hành (7810103), Quản trị khách sạn (7810202), Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống (7810202), Quản lý thể dục thể thao (7810301), Kinh tế gia đình (7810501), Kinh tế vận tải (7840104), Quản lý hoạt động bay (7840102), Quản lý nhà nước về an ninh trật tự (7860109), Quản lý trật tự an toàn giao thông (7860110), Bảo hộ lao động (7850201), Công tác xã hội (77601).</p> <p>- Các ngành còn lại không nằm trong danh mục kể trên nhưng trong CTĐT đại học có một trong các học phần sau: Kinh tế vĩ mô; Kinh tế vi mô; Kinh tế học; Kinh tế ứng dụng hoặc một học phần thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý</p>